

PHỤ LỤC SỐ 08

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở GIAI ĐOẠN 2020-2024 HUYỆN PHÚ LƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số: 46/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh
Thái Nguyên)

1. Giá đất ở tại đô thị, giá đất ở tại nông thôn bám các trục đường giao thông

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
A	QUỐC LỘ	
I	QUỐC LỘ 3 CŨ (Từ giáp đất thành phố Thái Nguyên đến hết đất xã Yên Ninh)	
1	Từ Km78 + 200 (giáp đất xã Sơn Cẩm) đến Km79 + 400	3.500
2	Từ Km79 + 400 đến Km80	4.500
3	Từ Km80 đến Km83 + 600	4.000
4	Từ Km83 + 600 đến Km85	4.500
5	Từ Km85 đến Km85 + 660 (hết đất thị trấn Giang Tiên)	4.000
6	Từ Km85 + 660 đến cầu Thủy Tinh	5.000
7	Từ cầu Thủy Tinh đến đến Km88 + 700	3.500
8	Từ Km88 + 700 đến Km89 + 400	4.000
9	Từ Km89 + 400 đến Km90 (cổng Bệnh viện Đa khoa huyện)	5.000
10	Từ Km90 (cổng Bệnh viện Đa khoa huyện) đến Km91 + 200	8.000
11	Từ Km91 + 200 đến Km91 + 500	5.000
12	Từ Km91 + 500 đến Km92 + 450 (cổng Huyện đội)	6.500
13	Từ Km92 + 450 đến Km93 + 100 (hết đất thị trấn Đu)	5.000
14	Từ Km93 + 100 đến Km95	4.000
15	Từ Km95 đến Km96	3.500
16	Từ Km96 đến Km97 + 500	2.000
17	Từ Km97 + 500 đến Km99 (khu chợ xã Yên Đổ)	3.500
18	Từ Km99 (khu chợ xã Yên Đổ) đến Km99 + 900	2.000
19	Từ Km99 + 900 đến Km100 + 100 (ngã ba cây số 31)	2.500
20	Từ Km100 + 100 đến Km110 + 400 (cầu Suối Bén)	1.500
21	Từ Km110 + 400 (cầu Suối Bén) đến Km112	2.500
22	Từ Km112 đến Km112 + 750 (đỉnh dốc Suối Bốc)	1.500
23	Từ Km112 + 750 (đỉnh dốc Suối Bốc) đến Km113 + 200	2.000
24	Km113 + 200 đến Km113 + 800 (hết đất xã Yên Ninh)	2.500
*	Trục phụ	
1	Từ Quốc lộ 3 đi Trung tâm Giáo dục chữa bệnh xã hội	
1.1	Từ Quốc lộ 3 đến 200m	1.500
1.2	Sau 200m đến Trung tâm Giáo dục chữa bệnh xã hội	800

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
2	Từ Quốc lộ 3 đi làng Ngói, xã Cổ Lũng	
2.1	Từ Quốc lộ 3 đến 150m	1.500
2.2	Sau 150m đến 500m	800
3	Từ Quốc lộ 3 đi làng Phan, xã cổ Lũng	
3.1	Từ Quốc lộ 3 đến 150m	1.700
3.2	Sau 150m đến 500m	900
4	Từ Quốc lộ 3 + 200m đi Đình Cháy, xã Cổ Lũng	1.500
5	Từ Quốc lộ 3 đi xóm Tân Long, xóm Bờ Đậu, xã Cổ Lũng	
5.1	Từ Quốc lộ 3 đến 150m	1.800
5.2	Sau 150m đến 500m	900
6	Từ Quốc lộ 3 đến cầu cũ Giang Tiên, địa phận xã Cổ Lũng	1.800
7	Từ Quốc lộ 3 đến cầu cũ Giang Tiên, địa phận Giang Tiên	1.500
8	Từ Quốc lộ 3 đi cầu Đất Ma Giang Tiên	
8.1	Từ Quốc lộ 3 đến 300m	1.700
8.2	Sau 300m đến đường rẽ Nhà Văn hóa tiểu khu Giang Long	1.100
8.3	Từ đường rẽ Nhà Văn hóa tiểu khu Giang Long đến cầu Đất Ma	800
9	Từ Quốc lộ 3 đi Bãi Bông	
9.1	Từ Quốc lộ 3 đến 100m	2.200
9.2	Sau 100m đến 300m đi Bãi Bông	1.500
10	Quốc lộ 3 đi Văn phòng mỏ than Phấn Mễ (hết đất thị trấn Giang Tiên)	2.500
11	Từ Quốc lộ 3 đến Bãi than 3, Mỏ than Phấn Mễ	1.600
12	Từ Quốc lộ 3 + 200m đi khu hầm lò Mỏ Phấn Mễ	1.600
13	Từ Quốc lộ 3 đi Tân Bình (Vô Tranh)	
13.1	Từ Quốc lộ 3 đến Nhà Văn hóa xóm Mỹ Khánh	2.500
13.2	Từ Nhà Văn hóa xóm Mỹ Khánh đến đầm Thiểu nhi	1.550
14	Từ Quốc lộ 3 đến Trường Tiểu học Phấn Mễ 1	2.000
15	Từ Quốc lộ 3 đến Nhà Văn hoá xóm Giá 1	2.200
16	Từ Quốc lộ 3 đến đất Trung tâm Dạy nghề huyện Phú Lương	3.600
17	Từ giáp đất Trung tâm Dạy nghề huyện Phú Lương + 500m đi Thọ Lâm (các hướng)	2.100
18	Từ Quốc lộ 3 đến Phòng Giáo dục huyện Phú Lương	4.000
19	Từ Quốc lộ 3 đến hết đất khu dân cư Ngân hàng Thương nghiệp	4.000
20	Từ Quốc lộ 3 + 250m đi Thọ Lâm (ngã ba)	2.700
21	Từ Quốc lộ 3 đến giáp đường đi Yên Lạc	
21.1	Từ Quốc lộ 3 đến hết đất Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện	3.000
21.2	Đoạn còn lại đến giáp đường đi Yên Lạc	2.000

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
22	Từ Quốc lộ 3 đi Trường Tiểu học thị trấn Đu	
22.1	Từ Quốc lộ 3 đến hết đất Trường Tiểu học thị trấn Đu	2.800
22.2	Từ giáp đất Trường Tiểu học thị trấn Đu vào 150m	1.600
23	Từ Quốc lộ 3 vào cổng Huyện đội Phú Lương	3.500
24	Từ Quốc lộ 3 đến cổng Trung đoàn 677	2.000
25	Từ Quốc lộ 3 vào đền Khuôn	
25.1	Từ Quốc lộ 3 vào 75m	1.800
25.2	Sau 75 m đến 300m	1.000
25.3	Sau 300m đến đền Khuôn	600
26	Quốc lộ 3 (đền Đuồm) đi xóm Ao Sen đến đường Đu - Yên Lạc	
26.1	Từ Quốc lộ 3 vào 75m	1.800
26.2	Sau 75 m đến 300m	1.000
26.3	Sau 300m đến gặp đường Đu - Yên Lạc	600
27	Từ Quốc lộ 3 đi xóm Gốc Vải (hai hướng)	
27.1	Từ Quốc lộ 3 vào 75m	1.200
27.2	Sau 75 m đến 300m	700
27.3	Sau 300m đến đền hết địa phận xóm Gốc Vải	400
28	Đường từ Quốc lộ 3 đi kho K87B đến hết đất Yên Đỗ	
28.1	Từ Quốc lộ 3 đi hết địa phận xóm Phố Trào	2.000
28.2	Từ hết địa phận xóm Phố Trào đến hết địa phận xóm Kềm	1.000
28.3	Từ hết địa phận xóm Kềm đến cầu Khe Nác	500
28.4	Từ cầu Khe Nác đến hết đất Yên Đỗ	400
29	Từ Quốc lộ 3 + 200m đi đền Thắm (Chợ Mới, Bắc Kạn)	
29.1	Từ Quốc lộ 3 vào 75m	1.500
29.2	Từ sau 75m đến 200m đi đền Thắm (Chợ Mới, Bắc Kạn)	900
II	ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH (từ Quốc lộ 3 qua cầu Bắc Bé đến hết đất Phú Lương)	
1	Từ Quốc lộ 3 đến cầu Bắc Bé	2.000
2	Từ cầu Bắc Bé đến hết đất huyện Phú Lương	1.000
III	QUỐC LỘ 3 MỚI (từ Quốc lộ 3 cũ tại Km75+200, giáp đất xã Sơn Cẩm đến Km93 +320, hết đất Yên Lạc)	
1	Từ Km75 + 200 (giáp đất xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên) đến Km79 (hết đất xã Vô Tranh)	2.500
2	Từ Km79 đến Km80+600	2.500
3	Từ Km80 + 600 đến Km81+ 400	3.000
4	Từ Km81+ 400 đến Km87 (hết đất xã Tứ Thanh)	2.500
5	Từ Km87 đến Km87 + 900 (hết đất xã Phú Đô)	1.000

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
6	Từ Km87 + 900 đến Km88 + 700	2.000
7	Từ Km88 + 700 đến Km93 + 320 (hết đất xã Yên Lạc)	780
IV	QUỐC LỘ 37 (từ ngã ba Bờ Đậu đến hết đất xã Cổ Lũng)	
1	Từ ngã ba Bờ Đậu đến 100m	4.000
2	Qua 100m đến 500m	3.000
3	Qua 500m đến cầu Lò Bát	2.000
4	Từ cầu Lò Bát đến hết đất xã Cổ Lũng (giáp đất huyện Đại Từ)	1.500
V	QUỐC LỘ 3C (từ Quốc lộ 3 đi Định Hóa đến giáp đất huyện Định Hóa)	
1	Từ Km0 đến Km0 + 500	1.800
2	Từ Km0 + 500 đến Km2	1.000
3	Từ Km2 đến Km2 + 400	1.200
4	Từ Km2 + 400 đến giáp đất huyện Định Hóa	800
B	CÁC ĐƯỜNG TỈNH LỘ	
	TỈNH LỘ 263 (từ Quốc lộ 3 đến hết đất xã Ôn Lương)	
1	Từ Km0 đến cầu tràn	4.000
2	Từ cầu tràn đến Km1 + 300 (lối rẽ đi Cổ Cò)	2.000
3	Từ Km1 + 300 đến Km1 + 700 (hết đất thị trấn Đu)	1.500
4	Từ Km1 + 700 đến Km1 + 900 (hết đất xã Động Đạt)	1.200
5	Từ Km1 + 900 đến Km3	1.000
6	Từ Km3 đến Km4	1.500
7	Từ Km4 đến Km7 + 300	1.000
8	Từ Km7 + 300 đến qua ngã tư Ôn Lương 100m	2.000
9	Từ qua ngã tư Ôn Lương 100m đến hết đất xã Ôn Lương	1.000
C	CÁC ĐƯỜNG LIÊN XÃ	
I	TỪ GIANG TIỀN - PHÚ ĐỒ - NÚI PHẢN GẬP QUỐC LỘ 3	
1	Từ Quốc lộ 3 đến cầu Lồng Bồng (hết đất thị trấn Giang Tiên)	2.500
2	Từ cầu Lồng Bồng đến Km2	1.500
3	Từ Km2 đến Km4 + 700m (giáp đất xã Tức Tranh)	1.000
4	Từ Km4 + 700 đến Km5 + 200m (hết cánh đồng Ao Xanh)	700
5	Từ Km5+ 200 đến Km6+ 100m (cầu Đồng Chùa, xã Tức Tranh)	2.000
6	Km6 +100 đến Km7 + 300m (Xí nghiệp Chè)	2.500
7	Từ Km7 + 300 đến Km7 + 600 (cầu tràn)	1.000
8	Từ Km7 + 600 đến Km9 + 300 (ngã ba rẽ xóm Khe Vàng 1)	800
9	Từ Km9 + 300 đến Km11 + 300 (ngã ba rẽ xóm Cúc Lũng)	1.500
10	Từ Km11 + 300 đến Km16 + 600 (giáp đất xã Yên Lạc)	500
11	Từ Km16 + 600 (giáp đất xã Phú Đồ) đến Km17 + 800	1.500

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
12	Từ Km17 + 800 đến Km18 + 300	1.000
13	Từ Km18 + 300 đến hết đất xã Yên Lạc	500
14	Từ giáp đất Yên Lạc đến ngã ba rẽ vườn ươm (Dự án 661)	800
15	Từ ngã ba rẽ vườn ươm (Dự án 661) đến cổng nhà máy Chè	1.000
16	Từ cổng nhà máy chè đến gặp Quốc lộ 3	1.500
II	ĐƯỜNG PHẤN MỄ - TỨC TRANH	
1	Từ Quốc lộ 3 + 100m đi dốc Ông Thọ	3.000
2	Sau 100m đến Nhà Văn hóa xóm Đồng Hút	2.000
3	Từ Nhà Văn hóa xóm Đồng Hút đến ngã ba gặp đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn	2.500
III	ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 3 (Phấn Mễ) - cầu Làng Giang - đến cầu treo Làng Cọ	
1	Từ Quốc lộ 3 đến cổng Trường Trung học cơ sở Phấn Mễ 1	3.500
2	Từ cổng Trường Trung học cơ sở Phấn Mễ 1 đến qua ngã tư Làng Bò 100m đi Làng Giang	2.500
3	Từ cách ngã tư Làng Bò 100m đến khu quy hoạch dân cư cầu Làng Giang	1.500
4	Từ khu Quy hoạch dân cư cầu Làng Giang đến cầu treo Làng Cọ (giáp thị trấn Đu)	2.000
IV	ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 3 (thị trấn Đu) đi Làng Cọ	
1	Từ Quốc lộ 3 +200m	4.000
2	Từ 200m đến cầu treo Làng Cọ (giáp đất xã Phấn Mễ)	3.000
V	ĐƯỜNG ĐU – YÊN LẠC	
1	Từ Bưu điện Phú Lương + 250m (đến ngã ba)	4.000
2	Từ ngã ba đến hết đất thị trấn Đu (giáp xã Động Đạt)	2.500
3	Từ giáp đất thị trấn Đu đến Km3	2.000
4	Từ Km3 đến hết đất Động Đạt	1.500
5	Từ giáp đất Động Đạt đến cách UBND xã Yên Lạc 200m	1.000
6	Từ cách UBND xã Yên Lạc 200m đến qua UBND xã Yên Lạc 200m	2.000
7	Từ qua UBND xã Yên Lạc 200m đến gặp đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn	1.000
VI	ĐƯỜNG LIÊN XÃ TỨC TRANH - YÊN LẠC - YÊN ĐỒ	
1	Từ cổng làng xóm Yên Thủy 4 đến hết đất xóm Yên Thủy 4	1.000
2	Từ hết đất xóm Yên Thủy 4 đến cầu Ông Mạch	600
3	Từ cầu Ông Mạch đến Nhà Văn hóa xóm Yên Thủy 2 + 100m	1.000
4	Từ Nhà Văn hóa xóm Yên Thủy 2 + 100m đến cầu Yên Thủy 1	600
5	Từ cầu Yên Thủy 1 đến Trung tâm UBND xã Yên Lạc (ngã 3 đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn)	800
6	Từ ngã 3 đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn đến cách chợ xóm Ó 300m	600

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
7	Từ cách chợ xóm Ó 300m đến hết đất xã Yên Lạc	800
VII	TUYẾN ĐƯỜNG LIÊN XÃ XÓM ĐỒNG BÔNG - YÊN LẠC ĐI XÓM QUYẾT THẮNG - TỨC TRANH	
1	Toàn tuyến	600
VIII	TRỤC QUỐC LỘ 3 - YÊN NINH - YÊN TRẠCH - PHÚ TIẾN	
1	Từ Quốc lộ 3 đến cầu tràn (đi Yên Trạch)	1.200
2	Từ cầu tràn đến hết đất xã Yên Ninh	800
3	Từ cách Trường Trung học cơ sở Yên Trạch 100m đến qua Trường Trung học cơ sở Yên Trạch 250m, hướng đi Phú Tiến	1.200
4	Từ qua Trường Trung học cơ sở xã Yên Trạch 250m đến qua đường rẽ chợ Yên Trạch 100m, hướng đi xã Phú Tiến	800
5	Từ ngã 3 rẽ Bản Héo + 50m đi Yên Ninh, từ ngã 3 rẽ Bản Héo + 100m đi xã Phú Tiến	800
6	Các đoạn còn lại của đường Yên Ninh - Yên Trạch - Phú Tiến (thuộc địa phận xã Yên trạch)	800
IX	ĐƯỜNG ATK HỢP THÀNH - PHỦ LÝ	
1	Từ ngã ba Chợ Hợp Thành đến ngã ba Phú Thành	1.800
2	Từ ngã 3 Phú Thành đến Bưu điện văn hóa xã	1.000
3	Từ Bưu điện Văn hóa xã đi xóm Làng Mon đến giáp đất Phủ Lý	800
4	Từ giáp đất xã Hợp Thành đến cầu Na Lậu (gặp Tỉnh lộ 263)	1.000
X	TUYẾN ĐƯỜNG PHỦ LÝ - YÊN TRẠCH	
1	Từ nút giao Tỉnh lộ 263 đến cầu tràn Na Dau	1.000
2	Từ cầu tràn Na Dau đến hết đất xã Phủ Lý	800
3	Từ địa phận xóm Hạ xã Yên Đổ (giáp đất xã Phủ Lý) đến hết đất xóm Trung	800
4	Từ giáp đất xóm Trung qua Quốc lộ 3C đến cổng xóm Thượng	1.000
5	Từ cổng xóm Thượng qua xóm An Thắng đến hết địa phận xóm Ao Then	800
6	Từ hết địa phận xóm Ao Then đến Quốc lộ 3	1.000
D	CÁC ĐƯỜNG KHÁC	
I	THỊ TRẤN GIANG TIỀN	
1	Đất khu dân cư trong chợ Giang Tiên	2.500
2	Các trục đường liên phố, tiểu khu khác chưa kể tên	
2.1	Đường đầu nối với đường từ Quốc lộ 3 đi cầu Đát Ma Giang Tiên, đến hết khu di tích Bazuka	1.000
2.2	Từ Bãi than 3, Mỏ than Phấn Mễ rẽ hai phía đến hết đất thị trấn Giang Tiên	1.000
2.3	Từ nhà cơ điện mỏ than đi xóm Làng Bún xã Phấn Mễ (hết đất thị trấn Giang Tiên)	700
3	Các đường bê tông còn lại có đầu nối với Quốc lộ 3, đường rộng $\geq 2,5m$	
3.1	Từ Quốc lộ 3 vào 150m	1.500
3.2	Từ sau 150m đến 300m	1.000

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
4	Các đường bê tông còn lại không đấu nối với Quốc lộ 3, đường rộng $\geq 2,5\text{m}$	800
5	Các đường còn lại không đấu nối với Quốc lộ 3: Đường đất rộng $\geq 2,5\text{m}$	600
II	THỊ TRẤN ĐU	
1	Trục phụ Quốc lộ 3 (đường bê tông)	
1.1	Từ Quốc lộ 3 (Km88 + 50 đi xóm Hoa 1, xã Phấn Mễ) đến hết đất thị trấn Đu	2.500
1.2	Từ Quốc lộ 3 (Km89 + 700) đi tiểu khu Cầu Trắng, đến hết đường bê tông	2.000
1.3	Từ Quốc lộ 3 (Km89 + 810) đi tiểu khu Cầu Trắng, vào 250m	1.500
1.4	Từ Quốc lộ 3 (Km90 + 50, cạnh phía Nam Bệnh viện Đa khoa huyện) vào 150m	1.500
1.5	Quốc lộ 3 (Km90 + 250, cạnh Điện lực Phú Lương) vào 250m	2.000
1.6	Từ Quốc lộ 3 (Km90 + 500) vào 230m hướng đi Tiểu khu Cầu Trắng và Tiểu khu Thái An	3.000
1.7	Từ Quốc lộ 3 vào kho 24+200m	1.500
1.8	Từ Quốc lộ 3 (Km90 + 550) đến Nhà Văn hóa tiểu khu Thái An	2.000
1.9	Từ Quốc lộ 3 (Km91 + 50) vào đến đường Đu - Yên Lạc	3.000
1.10	Từ Quốc lộ 3 (Km91 + 580, đường vào Nhà máy nước) đến hết đất thị trấn Đu	3.000
1.11	Từ Quốc lộ 3 (Km91 + 690, đường vào Đền Liệt sỹ) vào đến hết đường bê tông	3.000
1.12	Từ Quốc lộ 3 (Km91 + 850, giáp Hạt Giao thông Quốc lộ 3) vào đến hết đường bê tông	2.500
1.13	Từ Quốc lộ 3 (Km91 + 950) đi tiểu khu Lê Hồng Phong vào đến hết đường bê tông	3.000
1.14	Từ Quốc lộ 3 (Km92 + 230) đi tiểu khu Lê Hồng Phong đến hết đường bê tông	2.000
1.15	Từ Quốc lộ 3 (Km92 + 780) đi tiểu khu Lê Hồng Phong đến hết đường bê tông	2.500
2	Trục phụ Tỉnh lộ 263	
2.1	Tỉnh lộ 263 Km0 + 550 đi xóm Làng Chảo, xã Động Đạt) đến hết đường bê tông	1.000
2.2	Tỉnh lộ 263 Km0 + 650 rẽ từ Tiểu khu Tân Lập đi tiểu khu Cây Châm) vào đến hết đường bê tông	1.000
2.3	Tỉnh lộ 263 (Km0 + 950 đi xóm Đồng Nghè, xã Động Đạt) đến hết đất thị trấn Đu	1.000
3	Từ Quốc lộ 3 đến cổng phân hiệu Trường Mầm non thị trấn Đu (tiểu khu Lân 2)	2.500
4	Đường còn lại	
4.1	Đường bê tông rộng $\geq 3,5\text{m}$	1.300
4.2	Đường bê tông rộng $< 3,5\text{m}$ nhưng $\geq 2,5\text{m}$	1.000
4.3	Đường đất rộng $\geq 3,5\text{m}$	800
4.4	Đường đất rộng $< 3,5\text{m}$ nhưng $\geq 2,5\text{m}$	600
III	XÃ PHẤN MỄ	
1	Từ ngã ba xóm Hoa 2 đi tiểu khu Lân 2, thị trấn Đu	1.000

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
2	Từ Quốc lộ 3 đi xóm Làng Mai, Làng Bò	
2.1	Từ Quốc lộ 3 vào 300m	2.200
2.2	Từ sau 300m đến ngã tư Làng Bò	1.500
3	Từ Quốc lộ 3 đi xóm Làng Trò	
3.1	Từ Quốc lộ 3 vào 400m	2.000
3.2	Từ sau 400m đến giáp đất xã Vô Tranh	1.200
IV	XÃ YÊN ĐỎ	
1	Các đường quy hoạch dân cư sau Chợ Trào, Yên Đổ	1.500
2	Từ Quốc lộ 3 đi xóm Làng, xóm Kẽm (khu chợ xã Yên Đổ) gần nhà nghỉ Gia Linh)	
2.1	Từ Quốc lộ 3 đến 200 m	1.500
2.2	Sau 200 m đến 500 m	1.000
3	Từ Quốc lộ 3 đi xóm Làng, xóm Thanh Thế	
3.1	Từ Quốc lộ 3 đến 150 m	2.000
3.2	Sau 150m đến Nhà Văn hóa xóm Làng	1.500
4	Từ Quốc lộ 3 đi Trạm Y tế xã Yên Đổ đến Nhà Văn hóa xóm Thanh Thế	
4.1	Từ Quốc lộ 3 đến Trạm Y tế xã Yên Đổ	2.000
4.2	Từ Trạm Y tế xã Yên Đổ đến Nhà Văn hóa xóm Thanh Thế	1.500
V	XÃ ÔN LƯƠNG	
1	Trục phụ Tỉnh lộ 263 đi xã Ôn Lương	
1.1	Từ Tỉnh lộ 263 đến hết đất UBND xã Ôn Lương (ngã ba)	2.000
1.2	Từ giáp đất UBND xã Ôn Lương (ngã ba) + 100m đi 2 nhánh	1.500
2	Đường làng nghề xã Ôn Lương	
2.1	Từ ngã ba xóm Thâm Đông đi Nhà Văn hóa xóm Đầm Rum	800
2.2	Đoạn đường còn lại thuộc đường làng nghề xã Ôn Lương	700
2.3	Từ Nhà Văn hóa xóm Na Tùn đến nhánh 3 đường làng nghề	600
3	Nhánh rẽ Tỉnh lộ 263 + 200m đi Trạm Y tế xã Ôn Lương	1.500
4	Đường du lịch làng nghề hồ Na Mạt	
4.1	Từ Tỉnh lộ 263 + 150m đi xóm Na Pặng	1.000
4.2	Từ ngã ba xóm Thâm Đông + 100m đi hồ Na Mạt	800
4.3	Từ qua ngã ba xóm Thâm Đông đi hồ Na Mạt đến 100m	700
5	Nhánh rẽ từ ngã ba Cầu Gãy xã Ôn Lương đi xóm Cây Thị	800
6	Đường bê tông nối nhánh rẽ từ ngã ba Cầu Gãy, xã Ôn Lương đi đến giáp đất xóm Cây Thị	600
7	Từ Tỉnh lộ 263 (Km8 + 780, xóm Khau Lai) đến ngã ba sau Trạm Y tế	700
8	Từ Tỉnh lộ 263 (Km9 + 300) qua Nhà Văn hóa xóm Xuân Trường nối Tỉnh lộ 263 (Km9 + 900)	600

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
VI	XÃ HỢP THÀNH	
1	Từ ngã ba làng Mon đến Nhà Văn hóa Khuôn Lân + 400	700
2	Tuyến bê tông liên xóm Kết Tiến Thành (đường nối đường Tỉnh lộ 263 với đường Phủ Lý - ATK Hợp Thành)	600
3	Tuyến trục B từ đất xóm Phú Thành đến giáp đất xóm Làng Mới	700
4	Từ ngã 3 Đình Làng Mới + 100m đến giáp xóm Hàm Rồng, xã Phúc Lương, huyện Đại Từ	700
5	Đường bê tông liên xóm Tiến Bộ - Bo Chè (nối đường Phủ Lý - ATK Hợp Thành đến nhà ông Tổng, xóm Bo Chè)	600
6	Đường bê tông liên xóm Tiến Thành - Bo Chè - Tiến Bộ (từ Nhà Văn hóa xóm Kết - Tiến Thành đến Bưu điện Văn hóa xã)	600
7	Đường bê tông Đồng Đào - xóm Khuân Lân	600
8	Đường bê tông trung tâm xóm Làng Mới	600
9	Đường bê tông xóm Mãn Quang (nối đường trục B Phú Thành đi Làng Mới đến giáp xóm Phúc Sơn, xã Phúc Lương)	600
10	Đường bê tông xóm Quyết Tiến (từ Trường Tiểu học Hợp Thành đến đường trục B Phú Thành đi Làng Mới)	600
11	Đường bê tông xóm Phú Thành (đường nối Tỉnh lộ 263 với đường Phủ Lý - ATK Hợp Thành)	700
VII	XÃ VÔ TRANH	
1	Từ ngã ba Bình Long + 100m đi UBND xã Vô Tranh	1.500
2	Trục đường từ ngã ba giáp khu dân cư xóm Liên Hồng 7 (chợ Vô Tranh cũ) đi xóm Toàn Thắng	
2.1	Từ ngã ba giáp khu dân cư xóm Liên Hồng 7 (chợ Vô Tranh cũ) vào 300m	1.200
2.2	Từ qua 300m đến cầu Xoan Đào đi xóm Toàn Thắng	1.000
2.3	Từ cầu Xoan Đào đến ngã ba đường rẽ đi xóm Thống Nhất	1.100
3	Đường từ ngã ba giáp khu dân cư xóm Liên Hồng 7 (chợ Vô Tranh cũ) đến cách đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn 100m	
3.1	Từ ngã ba giáp khu dân cư xóm Liên Hồng 7 (chợ Vô Tranh cũ) cũ vào 300m	1.200
3.2	Đoạn còn lại đến cách đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn 100m	1.000
4	Từ ngã ba giáp khu dân cư xóm Liên Hồng 7 (chợ Vô Tranh cũ) đi Trại giam Phú Sơn 4	
4.1	Từ ngã ba giáp khu dân cư xóm Liên Hồng 7 (chợ Vô Tranh cũ) + 400m	1.400
4.2	Từ qua ngã ba giáp khu dân cư xóm Liên Hồng 7 (chợ Vô Tranh cũ) 400m đến cổng phân trại K4, Phú Sơn 4	1.000
5	Từ qua ngã ba giáp khu dân cư xóm Liên Hồng 7 (chợ Vô Tranh cũ) cũ 400m đến Cầu Hùng (giáp xã Sơn Cẩm)	1.000
6	Từ ngã ba (lớp mẫu giáo khu lẻ Trường mầm non xóm Thống Nhất 4, xã Vô Tranh) đến Phân trại K3, Phú Sơn 4	1.000
7	Từ ngã tư xóm Tân Bình 3 + 150m đi 3 phía (trừ phía đi xóm Tân Bình 4)	1.100
8	Đường từ ngã ba đi xóm Toàn Thắng giáp Trạm biến áp xóm Toàn Thắng đi xã Tức Tranh	800

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
VIII	XÃ TỨC TRANH	
1	Từ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn đi xóm Đồng Tiến (từ ngã ba chợ Tức Tranh đi xóm Đồng Tiến)	
1.1	Từ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn vào 200m	1.300
1.2	Từ sau 200m đến hết đầu nối với Quốc lộ 3 mới	1.000
2	Từ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn đi xóm Đồng Lòng (từ Nhà máy Chè đi xóm Đồng Lòng)	
2.1	Từ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn vào 300m	1.500
2.2	Từ sau 300m đến giáp đất xóm Đồng Lòng	1.000
3	Từ đường Phấn Mễ - Tức Tranh đi xóm Minh Hợp	
3.1	Từ đường Phấn Mễ - Tức Tranh + 300m đi xóm Minh Hợp	1.000
3.2	Từ sau 300m đến hết đường bê tông	800
4	Đường bê tông từ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn đi xóm Thâm Găng	
4.1	Từ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn vào 300m	1.000
4.2	Từ sau 300 đến hết đường bê tông xóm Thâm Găng	800
5	Đường bê tông từ đường Dốc Vống - Vô Tranh - Tức Tranh đi xóm Ngoài Tranh - Đồng Lòng	
5.1	Từ giáp xã Vô Tranh đến hết đường bê tông xóm Ngoài Tranh	1.000
5.2	Đoạn còn lại đến cầu tràn xóm Đồng Lòng	1.000
6	Đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn đi xóm Khe Xiêm	
6.1	Từ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn vào 300 m	1.200
6.2	Sau 300m hết đường bê tông (giáp đất xóm Thâm Găng)	800
7	Đường bê tông từ đường Phấn Mễ - Tức Tranh đi xóm Tân Thái	
7.1	Từ đường Phấn Mễ - Tức Tranh + 300m đi xóm Tân Thái	1.000
7.2	Từ sau 300m đến gặp đường Phấn Mễ - Tức Tranh	800
8	Đường Tức Tranh - Yên Thủy - Yên Đổ: Từ đường Phấn Mễ - Tức Tranh đến cổng làng Yên Thủy	1.000
9	Từ đường Tức Tranh - Yên Thủy - Yên Lạc đi xóm Bãi Bằng	800
10	Đường bê tông từ đường Phấn Mễ - Tức Tranh đi xóm Đập Tràn	
10.1	Từ đường Phấn Mễ - Tức Tranh + 300m đi xóm Đập Tràn	1.000
10.2	Từ sau 300m đến hết đường bê tông (đến đập tràn)	800
11	Từ đường Phấn Mễ - Tức Tranh đi xóm Quyết Thắng	
11.1	Từ đường Phấn Mễ - Tức Tranh + 300m đi xóm Quyết Thắng	1.000
11.2	Từ sau 300m đến hết đường bê tông (giáp đất xã Yên Lạc)	800
IX	XÃ PHÚ ĐÔ	
1	Trục phụ đường Giang Tiên - Phú Đô - Núi Phấn	
1.1	Đoạn Km9 đến hết xóm Khe Vàng 1	

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
1.1.1	Từ Km9 + 300 đến hết đường bê tông xóm Khe Vàng 1 + 300m	1.000
1.1.2	Đoạn còn lại đến hết xóm Khe Vàng 1	800
1.2	Đoạn Km9 + 700 đi xóm Khe Vàng 3	
1.2.1	Từ Km9 + 700 đến hết đường bê tông xóm Khe Vàng 3 + 300m	700
1.2.2	Đoạn còn lại đến hết xóm Khe Vàng 3	600
1.3	Đoạn Km9 + 800 đi hết các xóm Phú Nam 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, Cúc Lùng và đến Trường Trung học cơ sở xã Phú Đô)	
1.3.1	Từ Km9 + 800 đến cầu Phú Nam 2	700
1.3.2	Các tuyến còn lại	600
1.4	Km10+ 400 đi đến hết Trường THCS Phú Đô (đi xóm Ao Cống)	1.000
1.5	Từ Km10 + 600 đến hết trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã	1.000
1.6	Đoạn Km10 + 800) đi nhà ông Hoàng Minh Luận đi Trường Trung học cơ sở xã Phú Đô	
1.6.1	Từ Km10 + 800 đi hết nhà ông Hoàng Minh Luận	800
1.6.2	Đoạn còn lại	600
1.7	Đoạn Km10 + 800) đi Thao trường huấn luyện dân quân	
1.7.1	Từ Km10 + 800 vào 300m	800
1.7.2	Đoạn còn lại	600
1.8	Đoạn Km12 + 500 (ngã tư Bản Chang) đi xã Văn Lãng (trừ vị trí nằm trong đoạn từ Km11 + 300 đến Km12 + 700)	800
1.9	Đoạn Km13 + 400 đi hết xóm Núi Phạt	
1.9.1	Từ đoạn đầu nối +500m	800
1.9.2	Đoạn còn lại đến hết xóm Núi Phạt	600
1.10	Đoạn Km15 + 300 (cầu tràn Phú Đô 2) đi hết xóm Phú Thọ	
1.10.1	Từ đoạn đầu nối + 300m	800
1.10.2	Đoạn còn lại đến hết xóm Phú Thọ	600
1.11	Đoạn Km15 + 600 đi hết xóm Na Sàng	
1.11.1	Từ đoạn đầu nối + 300m	800
1.11.2	Đoạn còn lại đến hết xóm Na Sàng	600
2	Đường từ cổng UBND xã Phú Đô đi cổng Làng nghề chè Phú Nam 1 đến hết xóm Phú Nam 1	
2.1	Từ UBND xã Phú Đô đến cổng Làng nghề chè Phú Nam 1	1.000
2.2	Đoạn còn lại đến hết xóm Phú Nam 1	800
3	Đường bê tông từ Quốc lộ 3 mới đi hết xóm Phú Đô 1	
3.1	Từ Quốc lộ 3 mới vào 200m (trừ vị trí nằm trong đoạn Từ Km87 đến Km87 + 900)	800
3.2	Đoạn còn lại đến hết xóm Phú Đô 1	600
X	XÃ CỎ LŨNG	

STT	TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG	Mức giá
1	Quốc lộ 3 đi xóm Bá Sơn, xã Cổ Lũng	
1.1	Quốc lộ 3 đến 150 m	2.000
1.2	Sau 150 m đến 500 m	1.500
2	Quốc lộ 3 đi trụ sở cũ của UBND xã Cổ Lũng	
2.1	Từ Quốc lộ 3 đến 300 m	2.500
2.2	Sau 300 m đến 500 m	2.000
3	Quốc lộ 3 đi xóm Đường Goòng	
3.1	Từ Quốc lộ 3 đến 300 m	2.500
3.2	Sau 300 m đến 500 m	2.000
4	Quốc lộ 3 đi xóm Cổ Lũng	
4.1	Từ Quốc lộ 3 đến 300 m	2.500
4.2	Sau 300 m đến 500 m	2.000
5	Quốc lộ 37 đi xóm Cổng Đồn, Bãi Nha (gần Nhà Văn hóa xóm Cổng Đồn): Từ Quốc lộ 37 đến ngã ba	1.000
XI	CÁC KHU DÂN CƯ TRÊN ĐỊA BÀN	
1	Các đường quy hoạch trong khu dân cư Dương Tự Minh, thị trấn Đu, đường rộng 12,5m	2.500
2	Các đường quy hoạch trong khu dân cư 677 - thị trấn Đu, đường rộng 11,5m	2.000
3	Các đường quy hoạch trong khu dân cư xã Cổ Lũng, đường rộng 11,5m	2.500
4	Các đường quy hoạch trong khu dân cư xóm Đồng Hút xã Tức Tranh, đường rộng 15m	1.800
5	Các đường quy hoạch trong khu dân cư Trung tâm xã Động Đạt, đường rộng 11,5m	1.500
6	Các đường quy hoạch trong khu dân cư Đồng Đình xã Yên Ninh, đường rộng 11,5m	1.500
7	Các đường quy hoạch trong khu dân cư chợ Tức Tranh, đường rộng 7-8m	1.500

2. Giá đất ở tại đô thị nằm ngoài các trục đường giao thông đã có trong bảng tại điểm 1 nêu trên thì áp dụng bảng sau

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	Mức giá			
	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
Thị trấn Đu	450	430	410	390
Thị trấn Giang Tiên	420	400	380	360

3. Giá đất ở tại nông thôn nằm ngoài các trục đường giao thông đã có trong bảng tại điểm 1 nêu trên thì áp dụng bảng sau

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Tên đơn vị hành chính	Mức giá			
	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
Các xã: Cổ Lũng, Vô Tranh, Phần Mễ	400	370	340	310
Các xã: Động Đạt, Ôn Lương Tức Tranh, Yên Đỗ	350	320	290	260

Các xã: Yên Ninh, Yên Trạch, Hợp Thành, Phú Đô, Phú Lý, Yên Lạc	300	270	240	210
--	-----	-----	-----	-----